



Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/ABS-DVCK22

Hà Nội, ngày 06 tháng 09 năm 2022

**BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN
GIAO DỊCH KÝ QUỸ THÁNG 08/2022**

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam

Công ty CP chứng khoán An Bình xin báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ như sau:

1. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK Hà Nội

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	AAV			AAV
2	ADC			ADC
3	ALT			ALT
4	AME			AME
5	AMV			AMV
6	APS	APS		
7	ARM			ARM
8	ART	ART		
9	ATS			ATS
10	BAB			BAB
11	BAX			BAX
12	BBS			BBS
13	BCC			BCC
14	BCF			BCF
15	BDB			BDB
16	BED			BED
17	BPC			BPC
18	BSC			BSC
19	BST			BST
20	BTS			BTS
21	BTW			BTW
22	BVS			BVS
23	C69			C69

24	CAG			CAG
25	CAN			CAN
26	CAP			CAP
27	CDN			CDN
28	CLH			CLH
29	CLM			CLM
30	CMC	CMC		
31	CPC			CPC
32	CSC			CSC
33	CTB			CTB
34	CTP	CTP		
35	CTT			CTT
36	CVN			CVN
37	D11			D11
38	DAD			DAD
39	DAE			DAE
40	DDG			DDG
41	DHT			DHT
42	DIH			DIH
43	DL1			DL1
44	DNC			DNC
45	DNM	DNM		
46	DNP			DNP
47	DP3			DP3
48	DPC	DPC		
49	DS3	DS3		
50	DTD			DTD
51	DTK			DTK
52	DVG			DVG
53	DXP			DXP
54	EID			EID
55	EVS			EVS
56	FID			FID
57	GDW			GDW
58	GIC			GIC
59	GKM			GKM
60	GLT			GLT
61	GMA			GMA
62	GMX			GMX
63	HAD			HAD
64	HAT			HAT
65	HBS			HBS
66	HCC			HCC
67	HCT			HCT
68	HDA			HDA

69	HEV			HEV
70	HHC			HHC
71	HJS			HJS
72	HLC			HLC
73	HLD			HLD
74	HMH			HMH
75	HOM			HOM
76	HTC			HTC
77	HTP			HTP
78	HUT			HUT
79	HVT			HVT
80	ICG	ICG		
81	IDC			IDC
82	IDV			IDV
83	INC			INC
84	INN			INN
85	ITQ			ITQ
86	KHS			KHS
87	KLF	KLF		
88	KST			KST
89	KTS			KTS
90	L14	L14		
91	L18			L18
92	LAS			LAS
93	LBE			LBE
94	LCD			LCD
95	LHC			LHC
96	LIG			LIG
97	MBG			MBG
98	MBS			MBS
99	MCC			MCC
100	MCO			MCO
101	MDC			MDC
102	MEL			MEL
103	MKV			MKV
104	MST			MST
105	MVB			MVB
106	NAG			NAG
107	NAP			NAP
108	NBC			NBC
109	NBP			NBP
110	NBW			NBW
111	NDN	NDN		
112	NDX			NDX
113	NET			NET

114	NFC			NFC
115	NHC			NHC
116	NTH			NTH
117	NTP			NTP
118	NVB			NVB
119	PCE			PCE
120	PCT			PCT
121	PDB			PDB
122	PGN			PGN
123	PHN			PHN
124	PIA			PIA
125	PIC			PIC
126	PJC			PJC
127	PLC			PLC
128	PMB			PMB
129	PMC			PMC
130	PMS			PMS
131	PPP			PPP
132	PPS			PPS
133	PPY			PPY
134	PRC			PRC
135	PRE			PRE
136	PSC			PSC
137	PSD			PSD
138	PSE			PSE
139	PSI			PSI
140	PSW			PSW
141	PTI			PTI
142	PTS			PTS
143	PVC			PVC
144	PVG			PVG
145	PVI			PVI
146	PVS			PVS
147	QHD			QHD
148	QST			QST
149	QTC			QTC
150	RCL			RCL
151	S55			S55
152	S99			S99
153	SAF			SAF
154	SCI			SCI
155	SD5			SD5
156	SD6	SD6		
157	SDC			SDC
158	SDG			SDG

159	SDN			SDN
160	SEB			SEB
161	SED			SED
162	SFN			SFN
163	SGC			SGC
164	SHE			SHE
165	SHN			SHN
166	SHS	SHS		
167	SIC			SIC
168	SJ1			SJ1
169	SLS			SLS
170	SMN			SMN
171	SRA			SRA
172	STC			STC
173	STP			STP
174	SVN			SVN
175	SZB			SZB
176	TAR			TAR
177	TBX			TBX
178	TC6			TC6
179	TDN			TDN
180	TDT			TDT
181	TET			TET
182	THD			THD
183	THT			THT
184	TIG			TIG
185	TJC			TJC
186	TKU			TKU
187	TMB			TMB
188	TMC			TMC
189	TMX			TMX
190	TNG			TNG
191	TPH			TPH
192	TPP			TPP
193	TSB			TSB
194	TTL			TTL
195	TTT			TTT
196	TV3			TV3
197	TV4			TV4
198	TVC	TVC		
199	TVD			TVD
200	VBC			VBC
201	VC2			VC2
202	VC3			VC3
203	VC6			VC6

204	VC7			VC7
205	VCM			VCM
206	VCS			VCS
207	VE2	VE2		
208	VE3			VE3
209	VE4			VE4
210	VE8	VE8		
211	VGS			VGS
212	VHE			VHE
213	VHL			VHL
214	VIF			VIF
215	VIT			VIT
216	VMC			VMC
217	VMS			VMS
218	VNC			VNC
219	VNF			VNF
220	VNR			VNR
221	VSA			VSA
222	VSM			VSM
223	VTV			VTV
224	WCS			WCS
225	X20			X20

2. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK Hồ Chí Minh

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	AAA			AAA
2	AAT			AAT
3	ABS			ABS
4	ABT			ABT
5	ACB			ACB
6	ACC			ACC
7	ACL			ACL
8	ADG			ADG
9	ADS			ADS
10	AGG			AGG
11	AGM	AGM		
12	AGR			AGR

13	AMD			AMD
14	ANV			ANV
15	APG			APG
16	APH			APH
17	ASG			ASG
18	ASM			ASM
19	ASP	ASP		
20	BBC			BBC
21	BCE	BCE		
22	BCG			BCG
23	BCM			BCM
24	BFC			BFC
25	BIC			BIC
26	BID			BID
27	BKG			BKG
28	BMC			BMC
29	BMI			BMI
30	BMP			BMP
31	BRC			BRC
32	BSI			BSI
33	BTP			BTP
34	BTT			BTT
35	BVH			BVH
36	BWE			BWE
37	C32			C32
38	C47			C47
39	CAV			CAV
40	CCI			CCI
41	CCL			CCL
42	CDC			CDC
43	CHP			CHP
44	CKG			CKG
45	CLC			CLC
46	CLL			CLL
47	CLW			CLW
48	CMG			CMG
49	CMX			CMX
50	CNG			CNG
51	COM			COM
52	CRC			CRC
53	CRE			CRE
54	CSM			CSM
55	CSV			CSV

56	CTD			CTD
57	CTF			CTF
58	CTG			CTG
59	CTS			CTS
60	CVT			CVT
61	D2D			D2D
62	DAG			DAG
63	DAT			DAT
64	DBC			DBC
65	DBD			DBD
66	DBT			DBT
67	DC4			DC4
68	DCL			DCL
69	DCM			DCM
70	DGC			DGC
71	DGW			DGW
72	DHA			DHA
73	DHC			DHC
74	DHG			DHG
75	DHM			DHM
76	DIG			DIG
77	DMC			DMC
78	DPG			DPG
79	DPM			DPM
80	DPR			DPR
81	DQC			DQC
82	DRC			DRC
83	DRH			DRH
84	DRL			DRL
85	DSN			DSN
86	DTT			DTT
87	DVP			DVP
88	DXG			DXG
89	DXS			DXS
90	EIB			EIB
91	ELC			ELC
92	EMC			EMC
93	EVE			EVE
94	EVG			EVG
95	FCM			FCM
96	FCN			FCN
97	FIT			FIT
98	FMC			FMC

99	FPT			FPT
100	FRT			FRT
101	FTS			FTS
102	GAB	GAB		
103	GAS			GAS
104	GDT			GDT
105	GEG			GEG
106	GEX			GEX
107	GIL			GIL
108	GMC			GMC
109	GMD			GMD
110	GSP			GSP
111	GTA			GTA
112	GVR			GVR
113	HAH			HAH
114	HAP			HAP
115	HAR			HAR
116	HAX			HAX
117	HBC			HBC
118	HCD			HCD
119	HCM			HCM
120	HDB			HDB
121	HDC			HDC
122	HDG			HDG
123	HHP			HHP
124	HHS			HHS
125	HID			HID
126	HII			HII
127	HMC			HMC
128	HPG			HPG
129	HPX			HPX
130	HQC			HQC
131	HRC			HRC
132	HSG			HSG
133	HSL			HSL
134	HT1			HT1
135	HTI			HTI
136	HTL			HTL
137	HTN			HTN
138	HTV			HTV
139	HUB			HUB
140	HVH			HVH
141	HVX			HVX

142	IBC			IBC
143	IDI			IDI
144	IJC			IJC
145	ILB			ILB
146	IMP			IMP
147	ITA	ITA		
148	ITC			ITC
149	KBC			KBC
150	KDC			KDC
151	KDH			KDH
152	KHG			KHG
153	KMR			KMR
154	KOS			KOS
155	KPF			KPF
156	KSB			KSB
157	L10			L10
158	LAF			LAF
159	LBM			LBM
160	LCG			LCG
161	LDG			LDG
162	LEC	LEC		
163	LGC			LGC
164	LGL			LGL
165	LHG			LHG
166	LIX			LIX
167	LM8			LM8
168	LPB			LPB
169	LSS			LSS
170	MBB			MBB
171	MCP			MCP
172	MDG			MDG
173	MHC	MHC		
174	MIG			MIG
175	MSB			MSB
176	MSH			MSH
177	MSN			MSN
178	MWG			MWG
179	NAF			NAF
180	NAV			NAV
181	NBB			NBB
182	NCT			NCT
183	NHA			NHA
184	NHH			NHH

185	NKG			NKG
186	NLG			NLG
187	NNC			NNC
188	NSC			NSC
189	NT2			NT2
190	NTL			NTL
191	NVL			NVL
192	OCB			OCB
193	OPC			OPC
194	PAC			PAC
195	PAN			PAN
196	PC1			PC1
197	PDN			PDN
198	PDR			PDR
199	PET			PET
200	PGC			PGC
201	PGD			PGD
202	PGI			PGI
203	PHC			PHC
204	PHR			PHR
205	PLP			PLP
206	PLX			PLX
207	PNJ			PNJ
208	POW			POW
209	PPC			PPC
210	PSH	PSH		
211	PTB			PTB
212	PVD	PVD		
213	PVT			PVT
214	QCG			QCG
215	RAL			RAL
216	REE			REE
217	S4A			S4A
218	SAB			SAB
219	SAM			SAM
220	SAV			SAV
221	SBA			SBA
222	SBT			SBT
223	SBV	SBV		
224	SCR			SCR
225	SCS	SCS		
226	SFC			SFC
227	SFG			SFG

228	SFI			SFI
229	SGN			SGN
230	SGT			SGT
231	SHA			SHA
232	SHB			SHB
233	SHI			SHI
234	SHP			SHP
235	SJS			SJS
236	SMB			SMB
237	SMC			SMC
238	SPM			SPM
239	SRC			SRC
240	SSB			SSB
241	SSC			SSC
242	SSI			SSI
243	ST8			ST8
244	STB			STB
245	STG			STG
246	STK			STK
247	SVC			SVC
248	SVD			SVD
249	SVI			SVI
250	SVT			SVT
251	SZC			SZC
252	SZL			SZL
253	TBC			TBC
254	TCB			TCB
255	TCD			TCD
256	TCH			TCH
257	TCL			TCL
258	TCM			TCM
259	TCO			TCO
260	TCT			TCT
261	TDC			TDC
262	TDG			TDG
263	TDM			TDM
264	TDP			TDP
265	TDW	TDW		
266	TEG			TEG
267	THG			THG
268	THI			THI
269	TIP			TIP
270	TIX			TIX

271	TLD			TLD
272	TLG			TLG
273	TLH			TLH
274	TMP			TMP
275	TMS			TMS
276	TMT			TMT
277	TN1			TN1
278	TNA			TNA
279	TNC			TNC
280	TNH			TNH
281	TNT			TNT
282	TPB			TPB
283	TRA			TRA
284	TRC			TRC
285	TSC			TSC
286	TTB			TTB
287	TV2			TV2
288	TVB			TVB
289	TVS			TVS
290	TYA			TYA
291	UIC			UIC
292	VCA			VCA
293	VCB			VCB
294	VCF			VCF
295	VCG			VCG
296	VCI			VCI
297	VDP			VDP
298	VDS	VDS		
299	VGC			VGC
300	VHC			VHC
301	VHM			VHM
302	VIB			VIB
303	VID			VID
304	VIP	VIP		
305	VIX			VIX
306	VJC			VJC
307	VND			VND
308	VNE			VNE
309	VNL			VNL
310	VNM			VNM
311	VPB			VPB
312	VPD			VPD
313	VPG			VPG

314	VPI			VPI
315	VPS			VPS
316	VRC			VRC
317	VRE			VRE
318	VSC			VSC
319	VSH			VSH
320	VSI			VSI
321	VTO			VTO
322	YBM			YBM
323			HHV	HHV

- Đường link đăng tải thông tin nói trên trên website của công ty:

https://www.abs.vn/uploads/files/2022/09/06/Danh_m%E1%BB%A5c_s%C3%A0n_HNX_v%C3%A0_HSX_th%C3%A1ng_08_2022.pdf

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này

-Kính báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Người lập

Phó Tổng Giám đốc

Trần Thị Thu Hương

Hoàng Thị Thu Hiền